

**TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC**



**GIÁO TRÌNH**  
**MÔN HỌC: TỔ CHỨC SẢN XUẤT**  
**NGÀNH: MỘC XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT**  
**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:..... /QĐ-CDHBXL ngày ..... tháng ..... năm.....  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc)*

**Đồng Nai, năm 2021**  
*(Lưu hành nội bộ)*

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

Trong quá trình nghiên cứu môn học “Tổ chức sản xuất”, người học được hướng dẫn tham khảo nhiều tài liệu khác nhau tương ứng với mỗi bài học riêng biệt; có sự khác nhau về việc sử dụng các kỹ thuật chuyên ngành cũng như một số nội dung nhất định. Đồng thời ở các tài liệu tham khảo khác còn mang tính khái quát. Do đó, người học có thể gặp nhiều khó khăn để hiểu hết ý nghĩa của từng nội dung và có thể chưa biết cách vận dụng vấn đề đó vào trong một số trường hợp thực tiễn.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình Tổ chức sản xuất*** dành riêng cho người học trình độ trung cấp.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

**Chương 1: Marketing trong hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Chương 2: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh**

**Chương 3: Một số biện pháp tổ chức quản lý sản xuất ở đơn vị kinh tế cơ sở**

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

*Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021*

Tham gia biên soạn

1. ThS. Nguyễn Hữu Tân
2. ThS. Hoàng Văn Anh
3. ThS. Lưu Quang Vinh
4. KS. Hà Huy Tuấn
5. ThS. Trần Thị Thuận

## MỤC LỤC

|                                                             |          |
|-------------------------------------------------------------|----------|
| <b>LỜI GIỚI THIỆU .....</b>                                 | <b>2</b> |
| <b>MỤC LỤC.....</b>                                         | <b>3</b> |
| <b>GIÁO TRÌNH MÔN HỌC .....</b>                             | <b>4</b> |
| CHƯƠNG 1. MARKETING TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.... | 8        |
| CHƯƠNG 2. TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH.....          | 12       |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC QUẢN LÝ SẢN XUẤT.....    | 15       |

Tailieu.vn

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**1. Tên môn học:** Tổ chức sản xuất

**2. Mã môn học:** MH11

**3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

**3.1. Vị trí:** Môn Tổ chức sản xuất là một trong các môn cơ sở, được bố trí học trước các môn học/mô đun chuyên môn nghề.

**3.2. Tính chất:** Môn Tổ chức sản xuất là môn khoa học về quản lý kinh tế, giúp cho người lao động biết cách tổ chức hợp lý một quá trình sản xuất trong thi công xây lắp, nâng cao kiến thức nghề.

**3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:** môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành **Mộc xây dựng và trang trí nội thất**. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức thuộc lĩnh vực Tổ chức sản xuất.

**4. Mục tiêu của môn học:**

**4.1. Về kiến thức:**

A1 Trình bày được một số nội dung cơ bản của công tác tổ chức quản lý sản xuất ở đơn vị kinh tế cơ sở theo cơ chế thị trường.

**4.2. Về kỹ năng:**

B1 Vận dụng các giải pháp Marketing trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

B2 Tính được các chi phí sản xuất kinh doanh và vận dụng vào xác định giá cả sản phẩm cho cơ sở sản xuất nhỏ.

**4.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:**

C1 Phải coi tổ chức sản xuất phù hợp là yếu tố quyết định đến sự thành công của của quá trình sản xuất mà có ý thức tham gia xây dựng và tạo môi trường sản xuất hợp lý.

**5. Nội dung của môn học**

**5.1. Chương trình khung**

| Mã<br>MH,<br>MD | Tên môn học, tên mô đun  | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian của môn học, mô đun (giờ) |              |                                                                       |                     |
|-----------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                 |                          |                  | Tổng<br>số                          | Trong đó     |                                                                       |                     |
|                 |                          |                  |                                     | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực tập/<br>thí<br>nghiệm/<br>bài tập/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| <b>I</b>        | <b>Các môn học chung</b> | <b>13</b>        | <b>255</b>                          | <b>106</b>   | <b>134</b>                                                            | <b>15</b>           |
| MH 01           | Giáo dục chính trị       | 2                | 30                                  | 15           | 13                                                                    | 2                   |
| MH 02           | Pháp luật                | 1                | 15                                  | 9            | 5                                                                     | 1                   |

|                  |                                       |           |             |            |             |           |
|------------------|---------------------------------------|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| MH 03            | Giáo dục thể chất                     | 1         | 30          | 4          | 24          | 2         |
| MH 04            | Giáo dục quốc phòng – An ninh         | 2         | 45          | 21         | 21          | 3         |
| MH 05            | Tin học                               | 2         | 45          | 15         | 29          | 1         |
| MH 06            | Tiếng Anh                             | 5         | 90          | 42         | 42          | 6         |
| <b>II</b>        | <b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b> | <b>60</b> | <b>1460</b> | <b>413</b> | <b>975</b>  | <b>72</b> |
| <b>II.1</b>      | <b>Môn học, mô đun cơ sở</b>          | <b>11</b> | <b>180</b>  | <b>148</b> | <b>16</b>   | <b>16</b> |
| MH 07            | Vẽ kỹ thuật                           | 3         | 60          | 40         | 16          | 4         |
| MH 08            | Bảo hộ lao động                       | 2         | 30          | 27         | 0           | 3         |
| MH 09            | Điện kỹ thuật                         | 2         | 30          | 27         | 0           | 3         |
| MH 10            | Vật liệu xây dựng                     | 2         | 30          | 27         | 0           | 3         |
| MH 11            | Tổ chức sản xuất                      | 2         | 30          | 27         | 0           | 3         |
| <b>II.2</b>      | <b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>     | <b>30</b> | <b>645</b>  | <b>205</b> | <b>395</b>  | <b>45</b> |
| MĐ 12            | Chuẩn bị nguyên vật liệu              | 3         | 60          | 20         | 35          | 5         |
| MĐ 13            | Gia công mặt phẳng                    | 3         | 60          | 20         | 35          | 5         |
| MĐ 14            | Gia công mộng                         | 5         | 120         | 30         | 84          | 6         |
| MĐ 15            | Hoàn thiện bề mặt sản phẩm            | 2         | 45          | 15         | 28          | 2         |
| MĐ 16            | Làm khuôn cửa, cánh cửa               | 4         | 90          | 30         | 54          | 6         |
| MĐ 17            | Ốp lát sàn, dầm, trần, tường          | 3         | 60          | 20         | 35          | 5         |
| MĐ 18            | Làm tủ bếp                            | 4         | 90          | 30         | 54          | 6         |
| MĐ 19            | Làm ván khuôn                         | 3         | 60          | 20         | 35          | 5         |
| MĐ 20            | Làm sườn mái dốc                      | 3         | 60          | 20         | 35          | 5         |
| <b>II.3</b>      | <b>Môn học, mô đun tự chọn</b>        | <b>19</b> | <b>635</b>  | <b>60</b>  | <b>564</b>  | <b>11</b> |
| MĐ 21            | Đóng đồ mộc dân dụng                  | 8         | 200         | 40         | 152         | 8         |
| MĐ 22            | Vẽ và thiết kế trên máy tính          | 3         | 75          | 20         | 52          | 3         |
| MĐ 23            | Thực tập tốt nghiệp                   | 8         | 360         |            | 360         |           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                       | <b>73</b> | <b>1715</b> | <b>519</b> | <b>1109</b> | <b>87</b> |

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

**6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành:** Đáp ứng phòng học chuẩn

**6.2. Trang thiết bị dạy học:** Projector, máy vi tính, bảng, phấn

**6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập,...

**6.4. Các điều kiện khác:** thư viện.

## 7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

## 7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

### 7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

| Điểm đánh giá                          | Trọng số |
|----------------------------------------|----------|
| + Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1) | 40%      |
| + Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)      |          |
| + Điểm thi kết thúc môn học            | 60%      |

### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

| Phương pháp đánh giá | Phương pháp tổ chức   | Hình thức kiểm tra                  | Chuẩn đầu ra đánh giá | Số cột | Thời điểm kiểm tra |
|----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|--------|--------------------|
| Thường xuyên         | Viết/<br>Thuyết trình | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A1<br>B1, B2<br>C1    | 1      | Sau 4 giờ.         |
| Định kỳ              | Viết/<br>Thuyết trình | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A1, B2, C1            | 2      | Sau 8 giờ          |
| Kết thúc môn học     | Viết                  | Tự luận và trắc nghiệm              | A1<br>B1, B2<br>C1    | 1      | Sau 26 giờ         |

### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo niên chế.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học